

HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI CÁC KHU DÂN CƯ NGHÈO Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HỒNG XOAN

Sau hơn 30 năm đổi mới, TPHCM đã chứng kiến những thay đổi và phát triển mạnh về kinh tế - xã hội. Chính quyền thành phố đã giải tỏa, tái định cư các khu dân cư tự phát ven kênh rạch; triển khai thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, cung ứng điện, nước, cống thoát nước; chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bài trừ tệ nạn xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả của những chương trình này dường như vẫn còn hạn chế theo đánh giá của chính các cán bộ địa phương và nhóm mục tiêu là người nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá tác động của các chính sách cho người nghèo tại TPHCM cũng như phân tích nguyên nhân dẫn đến những bất cập về chính sách trong bài viết này nhằm mục đích cung cấp các luận chứng khoa học giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý điều chỉnh các chương trình hỗ trợ các khu dân cư nghèo đạt hiệu quả bền vững hơn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau ngày Sài Gòn - TPHCM được giải phóng, chính quyền thành phố đã bắt tay vào việc khôi phục và xây dựng thành phố sau chiến tranh. Trong hàng loạt các vấn đề đô thị nảy sinh vào những năm sau đó, vấn đề nổi lên là các khu dân cư nghèo tự phát hoặc khu nhà lụp xụp tại nhiều quận huyện, ven các kênh rạch. Thống kê trong thập niên 1990 cho biết TPHCM lúc đó có gần 40.000 nhà ở tự phát ven các kênh rạch, tại các khu đất đã được quy hoạch, hoặc đất nghĩa trang. Trong những khu này, mật độ dân số rất cao với cơ sở hạ tầng và môi

trường rất kém (Sở Xây dựng TPHCM, 2013). Để giải quyết vấn đề này, từ năm 1992, chính quyền thành phố đã thực hiện nhiều chương trình, chính sách nhằm cải thiện điều kiện sống cho người dân ở các khu vực này. Mục tiêu là nhằm cải thiện và chuyển đổi những nơi này thành khu dân cư phát triển và hiện đại hơn, không còn tệ nạn xã hội, nghèo đói, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường (Nguyễn Văn Hiệp, 2006).

Bài viết này dựa trên kết quả một cuộc khảo sát trong hai năm 2012 - 2013, được thực hiện bởi Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM do Quỹ Rosa Luxemburg Stiftung tài trợ (sau đây gọi tắt là cuộc khảo sát 2012 - 2013). Thông tin định lượng

Nguyễn Thị Hồng Xoan. Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

được thực hiện bằng bản hỏi với 500 hộ gia đình tại 10 phường được xác định là phường nghèo của 5 quận huyện tại TPHCM (quận 4, quận 8, quận Gò Vấp, quận Bình Tân và huyện Bình Chánh). Ngoài ra cuộc nghiên cứu còn thu thập thông tin định tính với 30 cuộc phỏng vấn sâu đối với các cán bộ cấp phường và quận. Cụ thể, tại mỗi quận nhóm đã thực hiện 4 cuộc phỏng vấn sâu cán bộ cấp phường bao gồm 1 cán bộ phụ trách vấn đề xóa đói giảm nghèo, 1 cán bộ dân số và y tế, 1 cán bộ Hội Phụ nữ và 1 Phó Chủ tịch phường; 2 cuộc phỏng vấn sâu cán bộ cấp quận bao gồm 1 Chủ tịch/Phó Chủ tịch quận và 1 Trưởng/Phó trưởng Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội. Nhóm nghiên cứu cũng tổ chức 10 cuộc thảo luận nhóm tập trung. Trung bình mỗi quận có hai cuộc thảo luận nhóm được tiến hành, gồm một nhóm nữ và một nhóm nam; và mỗi cuộc thảo luận nhóm có từ 6 đến 8 người dân đang sinh sống tại địa phương tham gia. Những người này đại diện cho nhóm người nghèo, những người tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội tại nơi mình đang sống và có những hiểu biết nhất định về tình hình của cộng đồng. Cách thức chọn mẫu khảo sát là chọn ra khu nghèo nhất trong phường và hỏi tất cả các hộ gia đình trong khu đó, đồng thời kết hợp phân tích các số liệu thống kê có liên quan thu thập được trong quá trình triển khai dự án. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung đánh giá hiệu quả của các chính sách nhà ở và cải tạo môi

trường sống đối với nhu cầu thực tế của người dân trong các khu dân cư nghèo.

2. CÁC KHU DÂN CƯ NGHÈO Ở TPHCM HIỆN NAY

Người nghèo TPHCM có mặt ở hầu hết các quận huyện thuộc Thành phố. Tuy nhiên dạng sống tập trung và điển hình nhất của người nghèo là các khu dân cư ven kênh rạch (từng được gọi là các “khu ổ chuột” hay “xóm nước đen”). Theo Sở Xây dựng TPHCM, hiện nay Thành phố vẫn còn 17.000 căn nhà sống ven kênh rạch và được xếp vào loại những khu dân cư nghèo. Những khu dân cư này đều xuất hiện tự phát do lấn chiếm đất bất hợp pháp nên đa số có tình trạng pháp lý không rõ ràng, nhà ở tại đây thường mang tính chất tạm bợ, chắp vá (Trung Sơn, 2015). Theo số liệu của cuộc khảo sát 2012 - 2013, 68,1% số nhà trên là nhà cấp 4 đã xuống cấp; 40% nhà có diện tích từ 30-60m², gần 50% nhà ở dưới 30m², 9,7% nhà ở chỉ từ 5-10m². Một số hộ không có tiền lắp đồng hồ điện nên phải mua với giá cao hoặc là câu móc bất hợp pháp. Về nước sạch, có 26-28% số hộ phải dùng nhờ nước sạch từ nhà hàng xóm, 10% hộ phải mua nước ăn, 16% hộ sử dụng nước giếng để ăn uống, 26% hộ sử dụng nước giếng cho sinh hoạt hàng ngày.

Tình trạng nhà ở tạm bợ xảy ra phổ biến hơn với nhóm dân tạm trú là người nhập cư từ nơi khác đến. Điều này cũng phù hợp với đánh giá của Trần Thị Kim Xuyên (2014) và Lê Văn Thành (2014) rằng đa số người nghèo

tại TPHCM là người nhập cư, và họ đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản như điện, nước... Số liệu khảo sát ghi nhận chỉ có 80,5% hộ tạm trú sử dụng điện lưới quốc gia, so với 98,1% ở nhóm thường trú; 41,6% hộ tạm trú phải mua nước với giá cao, so với 24,5% hộ thường trú. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề khác như không có hệ thống thoát nước và dịch vụ thu gom rác, tất cả rác sinh hoạt đều thải bỏ ngay nơi họ đang sống.

Theo các cán bộ quản lý địa bàn quận 4 và quận 8, trước năm 2000 - khi chưa có các chương trình cải tạo và chỉnh trang đô thị - những nơi này được gọi là “địa bàn ba không”: không hạ tầng cơ sở, không điện nước, không hệ thống thoát nước thải. Hơn 10 năm qua, nhờ chương trình “cải tạo và chỉnh trang đô thị”, những “địa bàn ba không” này đã có điều kiện hạ tầng cơ sở tốt hơn. Mặc dù vậy, tại thời điểm khảo sát (2012 - 2013) ở khu vực này, hạ tầng cơ sở đô thị (đường sá, hệ thống cống rãnh, điện, nước) vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của quy mô dân số hiện có. Rác sinh hoạt vẫn được xả thải trực tiếp xuống kênh rạch hoặc nơi cư ngụ khiến dòng kênh đầy rác hoặc hình thành những bãi rác lộ thiên ngay trong khu dân cư.

Theo kết quả khảo sát, 37% các hộ được phỏng vấn xả nước thải trực tiếp xuống kênh rạch, 10% thường xuyên xả/thải nước ra đường. Môi trường sống ở những khu dân cư này

ngày càng bị ô nhiễm trầm trọng hơn. Hơn nữa, tình trạng ngập lụt thường xuyên xảy ra ở đây khi mưa lớn kết hợp triều cường. Khoảng 14,4% hộ thường xuyên bị ngập nước, 45% thỉnh thoảng bị ngập. Hệ quả là các khu dân cư nghèo này trở thành điểm bùng phát các dịch bệnh như sốt xuất huyết, sốt rét, tiêu chảy, da liễu, bệnh phụ khoa ở phụ nữ, tay chân miệng ở trẻ em...

Về mặt pháp lý, tất cả những căn nhà trong các khu này đều không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Việc mua và bán đều bằng giấy tờ viết tay, không thông qua bất kỳ thủ tục pháp lý nào. Hầu hết dân cư là người nhập cư nghèo từ nông thôn. Điều kiện sống nghèo nàn càng khiến người dân nơi đây đối mặt với nhiều nguy cơ về bệnh tật và các vấn đề xã hội như môi trường sống thiếu lành mạnh, tệ nạn xã hội, tình trạng thất học, thiếu việc làm... Người dân cũng gặp nhiều khó khăn khi bị vướng phải các thủ tục pháp lý khác như hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà bởi tình trạng tạm cư của họ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH XÃ HỘI DÀNH CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

3.1. Các chính sách xã hội

Trong hơn một thập kỷ qua, TPHCM đã áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ cho người nghèo. Cụ thể là vào năm 2012, Ủy ban Nhân dân TPHCM đã ra *Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND về việc ban hành chương trình cải cách*

hành chính trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2011 - 2020 với nhiệm vụ trọng tâm là cải cách thể chế và thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công. Chương trình cải cách hành chính đã phần nào tháo gỡ những vướng mắc về mặt giấy tờ, pháp lý cho những người nghèo đang sinh sống tại Thành phố.

Trong năm 2014, Ủy ban Nhân dân TPHCM đã thành lập Quỹ Phát triển nhà của Thành phố. Mục đích của Quỹ là huy động các nguồn vốn để thực hiện nhà ở cho người có thu nhập thấp tại TPHCM. Thành phố cũng huy động nhiều nguồn vốn từ JICA, World Bank nhằm chỉnh trang đô thị như Dự án cải thiện môi trường nước tại Thành phố giai đoạn 3, 4 tại quận 4 và quận 8 (Thanh Mai, 2016), Dự án kênh Tân Hóa - Lò Gốm thuộc tiểu dự án Nâng cấp đô thị thành phố (N.Ấn, 2015). Các dự án này đã thực hiện chỉnh trang các sông rạch, tái định cư cho hàng ngàn hộ dân ven sông.

Một số chương trình tín dụng vi mô cho hộ nghèo/hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố có phạm vi hoạt động và mức độ bao phủ lớn nhất bao gồm Chương trình cho vay từ Quỹ Xóa đói giảm nghèo (Quỹ 140), 5 chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh TPHCM, hay các chương trình tín dụng nhỏ từ Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế (Quỹ CWED) và Quỹ Trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) (Molisa, 2014).

Về y tế, chính quyền TPHCM đã ban hành hai chính sách chính: Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo và hỗ trợ 15% chi phí khám chữa bệnh cho hộ nghèo. Năm 2012, TPHCM đã ban hành thêm chính sách hỗ trợ 15% chi phí khám chữa bệnh cho hộ nghèo và mở rộng đối tượng của chính sách hỗ trợ (Molisa, 2014). Về giáo dục, chính quyền có chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí và tiền cơ sở vật chất nhà trường cho học sinh, sinh viên; Chương trình cho học sinh, sinh viên vay vốn. Mặt trận Tổ quốc cũng thành lập Quỹ Vì người nghèo, giảm 50% học phí cho hộ cận nghèo, Ngoài ra Quỹ Khuyến học của Hội Khuyến học thành phố cũng là một nguồn hỗ trợ giáo dục quan trọng đối với các hộ nghèo, cận nghèo.

3.2. Hiệu quả thực hiện chính sách

3.2.1. Về các thủ tục hành chính và mối quan hệ giữa công chức và người dân

Theo *Quyết định số 108/2005 của Thủ tướng Chính phủ*, những người thuộc diện “KT3” (hộ đăng ký tạm trú) sống ở TPHCM từ 6 tháng đến 1 năm, nếu có nơi cư trú hợp pháp thì có thể đăng ký hộ khẩu (Thư viện Pháp luật, 2012). Cho đến nay, đối với người dân ở khu dân cư nghèo, khu tự phát, vấn đề hộ khẩu không còn là trở ngại chính của họ trong việc tiếp cận với các chính sách xã hội vì người nghèo.

Tuy nhiên, các thủ tục hành chính trong việc thực thi các chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống người dân còn nhiều hạn chế. Trong cuộc

thảo luận nhóm, người dân cho biết “chúng tôi không hài lòng với thái độ của cán bộ công chức trong khi tiếp dân. Vì vậy, chúng tôi thích phản ánh trực tiếp ý kiến của chúng tôi với người lãnh đạo trong khu dân cư hơn, mà không cần thông qua bất kỳ cán bộ nào cả” (thảo luận nhóm nam và nhóm nữ tại phường 1, quận 4 vào ngày 11/10/2012). Theo đó, người phụ trách khu phố trở thành trung gian giữa cán bộ địa phương và người dân cấp cơ sở để ghi nhận các phản hồi và xúc tiến các chính sách vì người nghèo. Vì vậy, có thể nói vai trò của người trung gian này rất quan trọng trong việc thực thi chính sách.

Tuy nhiên, cách đối thoại này giữa người dân cấp cơ sở và cán bộ đường như không hiệu quả, vì trong thực tế không có nhiều đề xuất cũng như ý kiến phản hồi được quan tâm chú ý tới. Ô nhiễm môi trường, tiếng ồn, ngập lụt trong khu dân cư và nhiều vấn đề khác nữa vẫn không thay đổi trong nhiều năm. Kết quả là, kiểu đối thoại này trở nên mờ nhạt trong những năm gần đây cùng với sự suy giảm niềm tin của người dân vào cả cán bộ và những người trung gian. Chính các cán bộ địa phương cũng nhận ra thực trạng này: “Mối quan hệ giữa cán bộ hành chính và người dân trở nên kém đi trong những năm gần đây. Có một số chương trình, chính sách quan trọng có liên quan đến mối quan tâm của người dân như phòng chống ngập lụt bằng cách nâng cấp đường, hẻm, cải tạo hạ tầng cơ sở, chương trình cho người nghèo vay tín

dụng để mở tiệm làm ăn buôn bán... Tuy nhiên, khi chúng tôi mở các cuộc họp để thông tin về những chương trình này có rất ít người dân đến tham dự, chỉ khoảng trên dưới 10 người tham dự trong tổng số hàng trăm hộ gia đình” (nữ Phó Chủ tịch quận, phỏng vấn ngày 9/11/2012)

Về phần mình, những người trung gian cũng có lý do riêng của họ: “Trên thực tế, trong các cuộc họp với người dân, họ có bày tỏ ý kiến và đề xuất liên quan đến quyền sử dụng đất, sở hữu nhà, giải tỏa nhà, tái định cư... Tuy nhiên, cán bộ địa phương từ các cấp cao hơn như quận huyện, phường xã đều không tham dự. Là người trung gian, chúng tôi thu thập ý kiến, các đề xuất chuyển đến cơ quan chức năng. Chúng tôi cũng chỉ là cầu nối, và dĩ nhiên không thể phản ánh được hết mọi ý kiến, và do vậy, các cuộc họp không hiệu quả” (nam, Tổ trưởng Tổ Dân phố Đa Phước, huyện Bình Chánh, phỏng vấn ngày 22/10/2012).

Trong các cuộc phỏng vấn sâu, nhiều cư dân cho biết họ quan tâm lo lắng đến những thay đổi gần đây về thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp giấy quyền sở hữu, sử dụng nhà đất. Tuy nhiên, thực tế là họ không biết phải liên hệ ở đâu và với ai để giải quyết vấn đề này, hoặc dù có biết họ vẫn cảm thấy khó khăn trong tiến trình thực hiện. Thái độ quan liêu cũng như thủ tục hành chính phức tạp đã gây nhiều khó khăn cho người dân. Thay vào đó, họ phải tìm đến những dịch vụ (“cò”) để lo những thủ tục này với mức

phí dịch vụ nằm ngoài khả năng tài chính họ có thể xoay sở. Do vậy, thay vì xin phép sửa chữa nhà hợp pháp, họ đành phải sửa chữa nhà không phép.

Khi thảo luận về mối quan hệ giữa người dân và cán bộ địa phương, người dân phản nản rằng “trong các cuộc họp, chúng tôi có đề xuất ý kiến nhưng sau đó mọi thứ vẫn y vậy. Cán bộ có hứa nhưng không làm gì cả” (nam, nông dân ở huyện Bình Chánh, phỏng vấn ngày 21/10/2012). Theo ý kiến của người dân, cán bộ địa phương phải lắng nghe ý kiến cũng như phải nắm bắt được nhu cầu của người dân.

3.2.2. Các chương trình về hạ tầng đô thị, nhà ở và phòng chống ngập úng

Kể từ 1997, chính quyền TPHCM đã xúc tiến các chương trình tái định cư cho cư dân các khu dân cư nghèo tự phát, khu dân cư ven kênh rạch. Những chương trình này kết hợp với dự án “Cải tạo và quy hoạch không gian đô thị” đều đặt ra các vấn đề trọng điểm như giải tỏa, bồi thường và tái định cư cho những hộ bị ảnh hưởng.

Đối với việc giải tỏa các hộ sống ở khu dân cư tự phát, mức độ hiệu quả của nó khác nhau ở từng dự án. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là việc giải tỏa chủ yếu dựa vào tình trạng hợp pháp của ngôi nhà. Để nhận được tiền đền bù đầy đủ, các hộ này phải trưng ra được giấy xác nhận chủ quyền nhà đất, thứ giấy tờ mà đối với người nghèo trong địa bàn khảo sát rất hiếm

khi có được. Kết quả là hầu hết các hộ bị ảnh hưởng chỉ được bồi thường một phần, và họ không có khả năng chi trả để có nơi ở mới. Do đó, đối với nhiều người dân, những chương trình này dường như không mang lại bất kỳ lợi ích gì cho họ, nếu không nói là đi ngược lại với kỳ vọng của họ. Trong một số dự án, người dân được yêu cầu chuyển đi trước khi nhận tiền bồi thường. Một số hộ trong số đó trở nên vô gia cư vì chính những dự án có mục tiêu ban đầu là cải thiện điều kiện sống của họ.

Ở quận 8 và quận Bình Tân, nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận một số trường hợp chịu ảnh hưởng bởi các dự án “nâng cấp đường và khu hẻm”. Khi mà đường sá và khu hẻm được nâng cao, nhiều nhà cửa trở nên thấp hơn so với mặt đường, trở thành nơi “thoát nước” của khu vực và bị ngập úng. Dù sau đó chính quyền địa phương cho các hộ dân này vay tiền để sửa nhà nhưng những hộ này không dám vay. Lý do vì họ không có khả năng trả nợ. Rõ ràng là nhu cầu và thực tế của người dân đã không được tính đến trong quá trình lập kế hoạch và thực thi dự án, bởi vì tiếng nói của người dân không được lắng nghe hoặc không được chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền.

3.2.3. Các chương trình hỗ trợ việc làm, dạy nghề và tăng thu nhập

Theo cán bộ địa phương, nhìn chung, thu nhập của người dân ở các điểm được khảo sát thấp và không bền vững. Do vậy, mục tiêu hướng đến

trong các chương trình “xóa đói giảm nghèo” của nhà nước là tăng thu nhập và khả năng chi tiêu của người nghèo thông qua việc tạo công ăn việc làm cho họ. Một trong những kết quả tích cực của chương trình là đã giảm số lượng hộ nghèo trên toàn thành phố xuống còn 96.744 hộ với 443.054 nhân khẩu, chiếm 5,3% so với tổng hộ dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử Chính Phủ - TPHCM, 2012).

Trong năm 2012, thành phố đã ban hành một số chính sách để hỗ trợ người nghèo và cận nghèo như tạo điều kiện cho họ học ngoại ngữ, học nghề miễn phí, hỗ trợ tín dụng để hộ nghèo buôn bán nhỏ, hoặc giới thiệu việc làm cho người trong độ tuổi lao động. Tuy nhiên, một trong những đặc điểm lao động việc làm của người nghèo là không chính thức, thủ công và không bền vững. Họ chủ yếu làm những công việc như buôn bán nhỏ, bán hàng rong, xe ôm, sửa xe, bán vé số, hoặc làm công ăn lương. Việc chuyển đổi công việc với họ là rất khó, thậm chí có thể nói là không thể. Một vài người trong số họ có tham gia các khóa học nghề và hầu hết đều nghỉ giữa chừng. Theo họ, những kỹ năng nghề như may, xây dựng mà địa phương định hướng họ theo học thường không cần thiết khi xin việc làm. Học hay không học họ đều có thể xin được việc tương tự nhau. Nhưng vấn đề là thu nhập từ những công việc này không đủ sống.

Đối với việc cho người nghèo vay tín dụng để buôn bán nhỏ, họ cho rằng

số tiền đó không đủ để làm ăn, bên cạnh đó cũng do họ hạn chế về nguồn lực và kỹ năng. Tuy nhiên, cũng có một số phản hồi tích cực từ các chương trình vì người nghèo. Điển hình như chương trình cho vay vốn tín dụng làm ăn hoặc sửa chữa nhà. Nhiều ý kiến đánh giá cao rằng “ngân sách quốc gia hạn hẹp nhưng các chương trình tín dụng rất tốt và chính đáng. Tuy nhiên, có quá nhiều người nghèo có nhu cầu vay nên Chính phủ buộc phải chọn lựa người được ưu tiên trước. Chúng ta phải chờ đợi lần lượt. Người nghèo hơn sẽ được ưu tiên hơn” (thảo luận nhóm nam, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh ngày 21/10/2012).

3.2.4. Chính sách giáo dục

Theo quan điểm của người dân, các hỗ trợ từ chính sách giáo dục vì người nghèo vẫn chưa đủ. Trong thực tế, các hỗ trợ này chủ yếu là miễn giảm học phí hoặc cho vay tín dụng. Điều đáng chú ý là trẻ trong hộ gia đình nghèo được miễn học phí hoàn toàn. Sinh viên nghèo theo học nghề hoặc các bậc học cao hơn được giảm $\frac{1}{2}$ học phí. Tuy nhiên, ý kiến từ các cuộc thảo luận nhóm cho rằng để trẻ có điều kiện đến trường còn nhiều điều phải làm hơn nữa chứ không phải chỉ là miễn giảm học phí. Người hoạch định chính sách cần phải tính đến nhận thức của phụ huynh về chuyện học hành của con cái, môi trường học đường và các vấn đề khác. Sau đây là ý kiến của phụ huynh về chuyện học của con cái họ:

“Cha mẹ do bận chuyện mưu sinh nên không thể quan tâm đến chuyện học hành của con cái. Họ không thể biết con cái họ đi đâu, chơi với ai và làm gì. Kết quả là tỷ lệ bỏ học của trẻ em trong những khu dân cư nghèo rất cao” (thảo luận nhóm nữ, quận Bình Tân tháng 10/2012).

“Hiện nay, thật sự rất tốn kém trong việc gửi trẻ đến trường bởi vì còn nhiều khoản chi phí khác ngoài học phí. Tôi rất nghèo, thậm chí thỉnh thoảng còn phải vay nặng lãi để lo cho con cái. Sẽ tốt hơn nếu tôi có thể vay từ nhà nước với lãi suất thấp. Tuy nhiên, đâu phải chỉ có học phí và tiền sách vở, mà còn những khoản khác như chi phí đi lại, quần áo, sinh hoạt, quà tặng cho bạn bè, tiệc tùng... Tóm lại rất tốn kém nên chúng phải nghỉ học sớm sau khi đã biết đọc biết viết. Hoặc liệu chúng tôi có thể vay mượn tiền từ nhà nước để lo cho việc học suốt đời của bọn trẻ?” (nữ nội trợ, quận Bình Tân, phỏng vấn tháng 10/2012).

“Anh không thể tưởng tượng phải tốn kém thế nào khi cho con cái đi học. Có quá nhiều khoản chi phí. Cha mẹ thậm chí đôi khi cãi nhau vì các chi phí học hành của bọn trẻ, và cuối cùng chúng phải nghỉ học giữa chừng. Điều này xảy ra rất thường xuyên trong các khu dân cư nghèo như ở đây. Có một số trường hợp gia đình được xếp vào diện thoát nghèo, và thế là lũ trẻ không được miễn giảm học phí và buộc phải nghỉ học giữa chừng” (thảo luận nhóm nam, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, tháng 10/2012)

Việc học sinh bỏ học sớm đang là mối lo của người dân khi các ý kiến cho rằng thanh thiếu niên không có tay nghề nên một số làm công việc không ổn định, một số khác đang lêu lổng sẽ có nguy cơ sa vào các tệ nạn xã hội. Vai trò của Đoàn Thanh niên trong khu vực khảo sát ở Bình Tân còn thấp, chưa hỗ trợ tốt cho việc học nghề và tìm việc của thanh niên.

Đối với những sinh viên vay tín dụng trong thời gian học, đến thời điểm trả ngân hàng là một áp lực cho họ. Một số em không thể tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp nên gia đình phải gánh trả phần nợ vay đó.

3.2.5. Các chương trình chăm sóc sức khỏe

Có một thực tế là môi trường sống trên các địa bàn nghiên cứu bị ô nhiễm nghiêm trọng vì rác, nước thải, khói, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của cư dân nơi đây. Thông tin ghi nhận được từ các cuộc thảo luận nhóm cho thấy người dân rất quan tâm đến việc giữ môi trường sống trong sạch. Họ tỏ ra thất vọng trước thực tế là có nhiều người cứ xả rác thải vào những nơi công cộng bất chấp những biển cấm, cảnh báo. Khi có dịch bệnh xảy ra, chính quyền địa phương đều cử đoàn xuống khu phố phun thuốc diệt muỗi, đồng thời tuyên truyền người dân phát quang bụi rậm, thu gom rác thải và nước thải. Tuy nhiên, chính quyền chưa có biện pháp quản lý vệ sinh môi trường lâu dài.

Đối với các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, Chu Thị

Kim Loan và cộng sự (2013) ghi nhận rằng người nghèo không muốn mua bảo hiểm sức khỏe. Họ cũng biết về chương trình bảo hiểm y tế miễn phí dành cho họ. Nhưng họ cho rằng các dịch vụ y tế công vốn thường dành chất lượng phục vụ kém cho người dùng thẻ bảo hiểm, nên nếu có thẻ bảo hiểm y tế miễn phí họ cũng không muốn sử dụng nó.

Người nghèo ở quận 8 cũng chia sẻ cùng những định kiến về hệ thống bảo hiểm y tế. Thậm chí họ còn cho rằng thẻ bảo hiểm không cần thiết vì họ không thường sử dụng nó. Họ phàn nàn rằng chất lượng dịch vụ phục vụ cho người sử dụng thẻ là không tốt và mất thời gian chờ đợi: “Chúng tôi phải chờ rất lâu mới đến lượt mình nếu sử dụng dịch vụ bảo hiểm. Bác sĩ không khám kỹ cho chúng tôi, thỉnh thoảng còn có thái độ thô lỗ. Thật không giống như bác sĩ gì cả” (nữ cao tuổi, độc thân, nghèo tại phường 15, quận Gò Vấp). Những định kiến này rõ ràng đã cản trở người nghèo thụ hưởng các phúc lợi xã hội mà nhà nước dành cho họ. Thực sự, nếu chỉ dừng ở việc cấp thẻ bảo hiểm y tế là không đủ để chăm sóc sức khỏe cho người nghèo.

4. KẾT LUẬN

Sau hơn 30 năm phát triển, TPHCM đã chứng kiến những thay đổi về kinh tế, xã hội. Các chính sách về nhà ở cho người nghèo cùng với chương trình cải tạo và chỉnh trang đô thị đã chuyển người nghèo đến sống ở những nơi ổn định và hiện đại hơn. Thành phố cũng thực hiện nhiều chính sách vì người nghèo. Tuy nhiên, hiệu quả của những chương trình này dường như vẫn còn hạn chế theo đánh giá của chính các cán bộ địa phương và nhóm mục tiêu là người nghèo trên địa bàn. Theo kết quả trên địa bàn nghiên cứu, người nghèo dường như vẫn chưa tiếp cận được những điều kiện cần thiết để cải thiện căn bản điều kiện sống của họ. Thực trạng này cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế trong các chương trình và chính sách vì người nghèo của địa phương trong những năm qua. Điều quan trọng hơn là việc ban hành và thực thi các chương trình, chính sách này còn thiếu vắng tiếng nói từ chính nhóm người nghèo này, nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của họ chưa được lắng nghe. Vì vậy, chỉ có chú ý đến chiều cạnh này mới có thể góp phần cải thiện điều kiện nhà ở, sinh kế và đời sống kinh tế - xã hội cho họ. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chu Thị Kim Loan và Nguyễn Hồng Ban. 2013. *Thực trạng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện ở thành phố Hà Tĩnh*. Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 11, số 1. Truy cập tại http://www.vnua.edu.vn:85/tc_khktnn/Upload%5C2832013-tapchiso%201.16kimloan.2013.pdf, ngày 05/2/2016.
2. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ - TPHCM. 2012. *Năm 2011: TPHCM đã giải quyết việc làm cho trên 292.000 lượt người*. Truy cập tại <http://tphcm.chinhphu.vn/nam-2011-tphcm-da-giai-quyet-viec-lam-cho-tren-292000-luot-nguoi>, ngày 15/8/2015.

3. Lê Văn Thành. 2014. *Đô thị hóa với vấn đề dân nhập cư tại TPHCM*. Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM. Truy cập tại <http://thienthu.weebly.com/uploads/4/8/6/9/4869850/dothihoatphcm.pdf>, ngày 15/3/2014.
4. Molisa. 2014. *Đánh giá tác động các chính sách giảm nghèo của TPHCM giai đoạn 2009 - 2013*. Truy cập tại <http://giamngheo.molisa.gov.vn/vn/doc/2014.%20BC%20danh%20gia%20tac%20dong%20cac%20chinh%20sach%20HCM%20giai%20doan%202009-2013%20.pdf>, ngày 15/8/2015.
5. N. Ân. 2015. *Kênh đen Tân Hóa - Lò Gốm đã thành dòng kênh xanh*. Truy cập tại <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20150405/bien-dong-kenh-den-thanh-dong-kenh-xanh/729941.html>.
6. Nguyễn Văn Hiệp. 2006. “*Những thành tựu và thách thức về nhà ở tại TPHCM hiện nay và đến năm 2010*”, in trong *Ngập lụt và nhà ở tại các đô thị Châu Á – Kinh nghiệm cho TPHCM*. TPHCM : Nxb. Tổng hợp TPHCM.
7. Sở Xây dựng TPHCM. 2013. *Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành luật nhà ở 2005*. Truy cập tại <http://www.constructiondpt.hochiminhcity.gov.vn>, ngày 15/3/2014.
8. Thanh Mai. 2016. *TPHCM kêu gọi các nguồn vốn tài trợ để chỉnh trang đô thị*. Truy cập tại <https://accounts.google.com/AccountChooser>.
9. Thủ tướng Chính phủ. 2005. *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 108/2005/QĐ-TTG ngày 16/5/2005 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*. Truy cập tại <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyet-dinh-108-2005-QD-TTg-quy-hoach-phat-trien-cong-nghiep-xi-mang-Viet-Nam-den-nam-2010-dinh-huong-den-2020-2492.aspx>, ngày 5/10/2012.
10. Trần Thị Kim Xuyên và cộng sự. 2014. *Những vấn đề nhà ở cho người nghèo tại TPHCM*. Bài viết trong hội thảo *Nhà ở khu dân cư nghèo ở TPHCM và những giải pháp hướng đến môi trường sống bền vững* do Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM tổ chức.
11. Trung Sơn. 2015. *Sài Gòn phát sinh hơn 7.000 nhà ổ chuột*. Truy cập tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/sai-gon-phat-sinh-hon-7-000-nha-o-chuot-3235859.html>, ngày 15/8/2015.